

Bản án số: **191/2024/HS-ST**
Ngày 23 – 7 – 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Dũng
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 191/2024/TLST-HS, ngày 10 tháng 6 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Quốc T** (tên gọi khác: Nh); Giới tính: Nam; Sinh năm 1986 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú và cư trú: G14/21A ấp 7, xã L, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: kinh Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Quang V (đã chết) và bà Đỗ Thị Th; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 06/11/2020 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 924/QĐ-TA áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với T 18 tháng. Đến ngày 18/02/2022 cơ sở cai nghiện ma túy Đức Hạnh cấp giấy chứng nhận số 458/CN-CSĐH xong cai nghiện.

Nhân thân: Ngày 12/12/2008 Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 tháng tù đối với Phạm Quốc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 340/2008/HSST. Ngày 30/4/2009 Trại giam Thanh Hòa đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2024. (có mặt)

* *Bị hại:* Ông Lê Nguyễn Hoài S, sinh năm, sinh năm 1994;

Nơi cư trú: B20/416 Tổ 20, Ấp 2, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Ngô Lê Thanh P, sinh năm 1995 - Vắng mặt

2/ Ông Ngô Văn H, sinh năm 1967 – vắng mặt

Nơi cư trú: 329/9 đường L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

3/ Ông Bùi Đức Tr, sinh năm 1994 - Vắng mặt

Nơi thường trú: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Nhà không số, Ấp 5, xã T, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh

4/ Ông Ngô Đức Ch, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn 10, xã G, huyện N, tỉnh Ninh Bình - Vắng mặt

5/ Bà Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm 1987 – Chủ Hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Đ; Địa chỉ: 396 đường A, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt

6/ Ông Bùi Văn T1, sinh năm 1983; Nơi cư trú: 367 đường A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quốc T và Bùi Đức Tr, Ngô Lê Thanh P có quan hệ quen biết ngoài xã hội với nhau. Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 18/01/2024, Phạm Quốc T đi bộ trên đường Láng Le Bàu Cò thuộc xã T thì gặp Bùi Đức Tr đang chạy xe mô tô trên đường nên bị cáo gọi Tr lại để nói chuyện, Tr rủ bị cáo đi uống cà phê tại quán cà phê không tên thuộc Ấp 7, xã L, huyện B. Sau đó, Tr mời bị cáo về nhà mình ăn cơm và chở bị cáo về nhà trọ không số thuộc ấp 5, xã L, huyện B của Tr. Trên đường đi thì Tr nhớ lại mẹ Tr không có nhà nên không vào nhà được. Do đó Tr chở bị cáo về nhà trọ bạn của Tr tên Lê Trúc L tại địa chỉ A5/140D, ấp 1, xã T, huyện B. Khi đến nhà trọ của L, Tr đi vào trong để ăn trái cây, còn bị cáo đi ra bờ tường bên ngoài, thì bị cáo phát hiện xe mô tô biển số 59N2-80992 hiệu SUZUKI để trên sân bên trong nhà trọ (cách nhà trọ của L khoảng 10 mét), có gắn chìa khóa trên xe. T quan sát không thấy chủ xe nên nảy sinh ý định trộm cắp và tiến đến xe mô tô biển số 59N2-80992, dẫn lùi xe ra ngoài cổng, quay đầu xe, lên xe ngồi và khởi động xe bằng chìa khóa có sẵn, điều khiển xe mô tô biển số 59N2-80992 chạy ra đường Láng Le Bàu Cò để về nhà của bị cáo tại địa chỉ G14/21A, Ấp 7, xã L, huyện B. T mở yên xe 59N2-809.92 kiểm tra thì thấy có 01 giấy đăng ký xe mang tên Lê Nguyễn Hoài S. Lúc này, Tr không thấy bị cáo nên đi về nhà trọ ở Ấp 5, xã L, huyện B.

Đến khoảng 15 giờ ngày 18/01/2024, bị cáo gọi điện thoại cho Tr và hẹn gặp ở quán nước không tên thuộc Ấp 7, xã L (trước nhà của bị cáo). Tr tự điều khiển xe mô tô của mình đến nơi thì bị cáo nói với Tr: “đây là xe của cậu tôi cho tôi” đồng thời đưa cho Tr giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy tên Lê Nguyễn Hoài S (sinh năm: 1994; HKTT: B20/416, ấp 2, xã T, huyện B) và nhờ Tr đem xe đi cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Tr để xe mô tô của mình lại tại quán nước và chở bị cáo bằng xe mô tô

biển số 59N2-80992 đến tiệm cầm đồ 367 địa chỉ 367, đường A, Phường C, Quận D để cầm cố xe nhưng tiệm cầm đồ 367 không nhận cầm cố xe vì bị cáo và Tr không có căn cước công dân. Tr gọi điện thoại cho Ngô Lê Thanh P và hẹn gặp P tại nhà P địa chỉ 329/9, đường L, Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh để nhờ P mang xe mô tô biển số 59N2-80992 đi cầm cố, nhưng khi đến nơi gặp P thì P không đồng ý cầm cố xe dù bị cáo. Thấy P không đồng ý nên Tr nói với P “xe mô tô biển số 59N2-80992 bị hư bình, bạn đổi xe cho tôi để tôi đi tỉnh”, P đồng ý đổi xe và lấy 01 CCCD của P (bản phô tô), giấy mua bán xe mô tô biển số 35B1-33268 (loại giấy tay không công chứng), 01 cà vạt xe mô tô biển số 35B1-33268 đưa cho Tr. Sau đó P dắt xe mô tô biển số 59N2-80992 vào nhà, Tr điều khiển xe mô tô biển số 35B1-33268 của P đi đến tiệm cầm đồ 367 để cầm xe mô tô biển số 35B1-33268 được 3.000.000 đồng và gọi điện thoại thông báo cho P biết đã cầm xe của P tại tiệm 367 thì P nói để giấy cầm đồ lại tiệm để P tự ra lấy giấy cầm đồ và đóng lời. Khoảng 19 giờ ngày 18/01/2024, Tr đi xe ôm quay lại nhà P để đón bị cáo và đưa bị cáo 2.880.000 đồng (đi xe ôm hết 120.000 đồng). Cả 2 bắt xe ôm đến Quận 6 để nhậu. Đến khoảng 03 giờ sáng ngày 19/01/2024 thì cả 2 nhậu xong, còn dư 500.000 đồng (cả hai đón xe ôm về nhà).

Đến ngày 23/02/2024, bị hại Lê Nguyễn Hoài S đến Công an xã T trình báo sự việc, Công an xã truy xét mời bị cáo, Tr, P về làm việc và đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Kết quả định giá tài sản số 894/KL-HĐĐGTS ngày 08/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định 01 xe mô tô hiệu Suzuki biển số 59N2-809.92 trị giá 6.800.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Phạm Quốc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp lời khai bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 190/CT-VKS ngày 27/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo Phạm Quốc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo không tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Về dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại ông Lê Nguyễn Hoài S 01 xe mô tô hiệu Suzuki biển số 59N2-809.92. Bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về vật chứng:

+ Đề nghị trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 promax thu giữ của bị cáo.

+ Đề nghị trả lại 01 điện thoại di động màu đen có chữ Redmi cho Bùi Đức Tr; trả lại cho Ngô Lê Thanh P 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A11.

+ Đề nghị giao Chi cục Thi hành án đăng tin tìm chủ sở hữu và xử lý đối với 01 xe mô tô LUVIAS màu trắng xám biển số 35B1-352.68; số khung: 066998; số máy: 066990.

+ Đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 USB màu xanh lưu lại hình ảnh Ngô Lê Thanh P đến đóng tiền lãi cầm đồ. Vật chứng lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của bị cáo như sau:

Vào ngày 18/01/2024 bị cáo Phạm Quốc T có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 xe mô tô hiệu Suzuki biển số 59N2-809.92 trị giá 6.800.000 đồng của ông Lê Nguyễn Hoài S tại địa chỉ A5/140D, Ấp 1, xã T, huyện B.

Như vậy, có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Phạm Quốc T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Cáo trạng xác định bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) và phát biểu luận tội tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự này là chưa đúng pháp luật, vì Bản án số 340/2008/HSST ngày 12/12/2008 xử phạt bị cáo 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bộ luật hình sự năm 1999, số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại theo Bản án này dưới 4.000.000 đồng. Tuy nhiên, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đã thay đổi định lượng cấu thành tội phạm từ 4.000.000 đồng trở lên nên hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo theo Bản án nêu trên không được xem là hành vi phạm tội nên

không căn cứ vào quy định này xác định tiền án đối với bị cáo. Ngày 30/4/2009 Trại giam Thanh Hòa đã cấp giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù. Qua xác minh bị cáo chưa nộp án phí hình sự sơ thẩm. Xét về nguyên tắc có lợi cho bị cáo theo quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và các văn bản hướng dẫn thi hành thì bị cáo không còn tiền án như đã phân tích nêu trên.

Bị cáo có 01 tiền sự bị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Đối với Bùi Đức Tr không biết sự việc Phạm Quốc T trộm xe mô tô biển số 59N2-809.92 và khi bị cáo nhờ Tr cầm cố xe này thì Tr cũng không biết là xe T trộm. Bị cáo nói với Tr xe này là của cậu bị cáo và có đưa ra giấy đăng ký xe cho Tr xem. Do đó, không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Tr.

Đối với Ngô Lê Thanh P không biết sự việc Phạm Quốc T trộm xe mô tô biển số 59N2-809.92 và khi bị cáo và Tr nhờ P cầm cố xe này thì P không đồng ý. Sau đó, bị cáo và Tr nói P đổi xe của P đem đi cầm cố, T đưa xe của T là xe mô tô biển số 59N2-809.92 cho P sử dụng, khoảng 02 tháng thì bị cáo lấy xe biển số 35B1-352.68 ra trả cho P và P trả xe lại cho bị cáo. P không biết xe mô tô biển số 59N2-809.92 là bị cáo trộm cắp mà có. Do đó, P không có hành vi vi phạm pháp luật, Cơ quan điều tra không xử lý nên không xem xét.

Đối với Bùi Văn T1 có cầm của Ngô Lê Thanh P 01 xe mô tô biển số 35B1-352.68 với giá 3.000.000 đồng để P đem về đưa cho bị cáo. Chiếc xe này không phải là tài sản phạm tội mà có và ông T2, chủ hộ kinh doanh dịch vụ cầm đồ Đức T2 không yêu cầu P trả lại số tiền trên nên không xem xét.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động hiệu Samsung A13 cho bị hại. Bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động màu đen có chữ Redmi thu của Bùi Đức Tr. Qua kiểm tra chiếc điện thoại bị hư không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho Tr.

- 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 promax: Qua xác minh cho thấy điện thoại này bị cáo mua sau khi thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho bị cáo.

- 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A11 thu giữ của Ngô Lê Thanh P. Qua kiểm tra chiếc điện thoại này P mượn của ông Ngô Văn H (cha của P) để chạy Grap, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo nên trả lại cho ông Ngô Văn H;

- 01 xe mô tô LUVIAS màu trắng xám biển số 35B1-352.68; số khung: 066998; số máy: 066990 thu của Ngô Lê Thanh P. Qua xác minh xe này do ông Ngô Đức Ch đứng tên chủ sở hữu. Vào năm 2012, ông Ch đã bán xe trên cho một người không rõ địa chỉ. Tiến hành ghi lời khai của Ngô Lê Thanh P cho biết P mua xe trên mạng “Chợ Tốt” của 01 người thanh niên (không rõ lai lịch) với giá 5.600.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng minh.

Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 (sáu) tháng để tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 xe mô tô LUVIAS màu trắng xám biển số 35B1-352.68; số khung: 066998; số máy: 066990. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

- 01 USB màu xanh lưu lại hình ảnh Ngô Lê Thanh P đến đóng tiền lãi cầm đồ: Xét thấy cần lưu theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Quốc T: 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2024.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

2.1. Trả lại cho bị cáo: 01 điện thoại di động hiệu iPhone 14 promax.

2.2. Trả lại cho Bùi Đức Tr: 01 điện thoại di động màu đen có chữ Redmi;

2.3. Trả lại cho ông Ngô Văn H: 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy A11;

2.4. Giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh cho đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng trong thời hạn 06 (sáu) tháng để tìm chủ sở hữu hợp pháp đối với 01 xe mô tô LUVIAS màu trắng xám biển số 35B1-352.68; số khung: 066998; số máy: 066990. Trong hạn trên ai xuất trình đầy đủ các tài liệu chứng minh chủ sở hữu thì trả lại. Quá thời hạn trên không ai đến nhận thì tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

(Các vật chứng trên đang giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 29/5/2024 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

2.5. Lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 USB màu xanh lưu lại hình ảnh Ngô Lê Thanh P đến đóng tiền lãi cầm đồ. Vật chứng này đang lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

3. Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về án phí: Bị cáo chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa; Trại giam T30;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (TP. Lâm).



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm